

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẠI TỪ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1327/QĐ-UBND

Đại Từ, ngày 19 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo,
hộ thoát cận nghèo năm 2025 trên địa bàn xã Đại Từ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI TỪ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định, phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày tháng năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 24/VBHN-BNNMT ngày 30/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hợp nhất thông tư hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo;

Căn cứ Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 15/9/2025 của UBND xã Đại Từ về việc Tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2025 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn xã Đại Từ;

Căn cứ Công văn số 5501/SNNMT-KTHT&PTNT ngày 18/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên về việc cho ý kiến về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2025 của các xã, phường;

Theo đề nghị của Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xã Đại Từ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 – 2025 trên địa bàn xã Đại Từ như sau:

Tổng số hộ toàn xã: 7142 hộ, trong đó:

- Số hộ nghèo: 95 hộ, tỷ lệ 1,33%.
- Số hộ cận nghèo: 146 hộ, tỷ lệ 2,04%.
- Tổng số hộ thoát nghèo: 69 hộ.
- Tổng số hộ thoát cận nghèo: 87 hộ.

(Danh sách chi tiết tại phụ lục kèm theo Quyết định này)


Điều 2. Cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo được công nhận tại Quyết định này.

Số hộ nghèo, hộ cận nghèo được công nhận tại điều 1 Quyết định này là cơ sở để thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và các chính sách phát triển kinh tế - xã hội khác trong năm 2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND & UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế, Trưởng phòng Văn hoá Xã hội; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan; Ban Chỉ đạo rà soát nghèo, hộ cận nghèo; Trưởng các xóm và các hộ gia đình có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND;
- Lãnh đạo UBND xã;
- UB MTTQ VN và các Đoàn thể xã;
- Các cơ quan, đơn vị, trường học;
- Như Điều 4;
- Lưu VT. 

CHỦ TỊCH



Nguyễn Quang Hải

DANH SÁCH HỘ CẬN NGHÈO SAU RÀ SOÁT

(Kèm theo Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 19/12/2025)

TT hộ	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1:Nam, 2:Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ(xóm)
1	Nguyễn Thị Ba	2	4/8/1955	Xóm Bình Khang
2	Nguyễn Thị Sừu	2	4/22/1985	Xóm Bình Khang
3	Dương Thị Phú	2	10/10/1956	Xóm Bình Khang
4	Nguyễn Thị Cần	2	5/10/1962	Xóm Bình Khang
5	Nguyễn Thị Ngán	2	7/20/1955	Xóm Bình Khang
6	Nguyễn Thị Tuyết	2	10/20/1947	Xóm Bình Sơn
7	Chu Thị Nguyệt	2	11/17/1979	Xóm Bình Sơn
8	Nguyễn Thị Loan	2	1/10/1969	Xóm Bình Sơn
9	Dương Thị Thơm	2	8/20/1961	Xóm Bình Xuân
10	Hà Thị Hoa	2	12/12/1957	Xóm Bình Xuân
11	Dương Thị Nghị	2	10/20/1959	Xóm Chùa 9
12	Bùi Văn Hồng	1	7/14/1976	Xóm Chùa 9
13	Đàm Thị Ngọc	2	20/11/1961	Xóm Đầm Mụ
14	Vi Thị Đông	2	27/12/1969	Xóm Đầm Mụ
15	Vũ Văn Tuấn	1	10/6/1991	Xóm Đầm Mụ
16	Nguyễn Văn Lâm	1	1/1/1974	Xóm Đầm Mụ
17	Trịnh Thị Hiền	2	25/09/1990	Xóm Đầm Mụ
18	Đoàn Thị Sen	2	1/1/1955	Xóm Đình 6
19	Ngô Đức Úy	1	4/2/1965	Xóm Đình 6
20	Hoàng Văn Trường	1	6/13/1988	Xóm Đình 6
21	Nguyễn Thị Thục	2	12/25/1954	Xóm Đình 7
22	Nguyễn Văn Khôi	1	7/7/1972	Xóm Đình 7
23	Nguyễn Thị Diễm	2	3/16/1986	Xóm Tiến Thành
24	Lê Thị Thủy	2	12/20/1982	Xóm Tiến Thành
25	Trần Bình Thuận	1	2/1/1947	Xóm Tiến Thành
26	Nguyễn Văn Thanh	1	1/1/1950	Xóm Tiến Thành
27	Đoàn Doanh Quý	1	7/30/1995	Xóm Thanh Phong 13
28	Lê Thị Yên	2	6/26/1979	Xóm Thanh Phong 14
29	Bùi Thị Thuận	2	7/20/1966	Xóm Thanh Phong 14
30	Lê Văn Luật	1	10/12/1953	Xóm Thuận Phong
31	Hoàng Văn Thừa	1	8/10/1943	Xóm Thuận Phong
32	Đông Văn Sơn	1	6/16/1971	Xóm Thuận Phong
33	Trần Thị Phượng	2	9/6/1966	Xóm Thuận Phong
34	Nguyễn Văn Hữu	1	20/08/1957	Xóm Trại 4
35	Hoàng Văn Phúc	1	1/8/1997	Xóm Trại 5

TT hộ	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1:Nam, 2:Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ(xóm)
36	Vũ Văn Học	1	2/7/1987	Xóm Trại 5
37	Phạm Thị Nhã	2	5/28/1951	Xóm Trại 5
38	Nguyễn Văn Chiến	1	2/7/1994	Xóm Trại 5
39	Phạm Thị Ty	2	10/8/1956	Xóm Văn Khúc
40	Lê Đình Lý	1	2/6/1959	Xóm Văn Khúc
41	Ngô Thị Kim Oanh	2	23/06/1998	Xóm Văn Khúc
42	Phan Thị Thúy	2	21/10/1998	Xóm Văn Khúc
43	Nguyễn Thị Tứ	2	11/03/1939	Xóm Cao Chùa
44	Hà Thị Loan	2	12/09/1979	Xóm Cao Chùa
45	Nguyễn Văn Thi	1	19/12/1975	Xóm Cao Chùa
46	Đặng Văn Sáng	1	06/07/1968	Xóm Đầm Pháng
47	Vũ Thị Thuý	2	28/07/1983	Xóm Đầm Pháng
48	Nguyễn Văn Thạo	1	01/04/1961	Xóm Đồng Cháy
49	Nguyễn Thị Vân	2	09/05/1962	Xóm Đồng Cháy
50	Tổng Thị Sáu	2	15/05/1967	Xóm Đồng Khâm
51	Nguyễn Văn Thiêm	1	12/07/1940	Xóm Đồng Khâm
52	Nguyễn Thị Thư	2	25/09/1949	Xóm Đồng Khâm
53	Nguyễn Văn Thảo	1	25/08/1961	Xóm Đồng Khâm
54	Dương Thị Lự	2	27/09/1956	Xóm Đồng Khâm
55	Nguyễn Văn Thân	1	02/10/1979	Xóm Đồng La
56	Bùi Thị Hồng	2	20/04/1954	Xóm Đồng La
57	Dương Ngọc Khang	1	09/12/1951	Xóm Đồng La
58	Vũ Thị Mão	2	08/10/1975	Xóm Đồng La
59	Dương Thị Dư	2	03/02/1986	Xóm Đồng La
60	Ngô Văn Nghiêm	1	15/01/1973	Xóm Đồng La
61	Đào Ngọc Thủy	1	01/12/1943	Xóm Đồng Phiêng
62	Nguyễn Thị Chào	2	20/05/1949	Xóm Đồng Phiêng
63	Đào Thị Tám	2	10/03/1970	Xóm Đồng Phiêng
64	Lê Thị An	2	20/10/1957	Xóm Hà Thuận
65	Nguyễn Thị Kim	2	15/05/1958	Xóm Hà Thuận
66	Nguyễn Thị Sửu	2	08/04/1943	Xóm Hà Việt
67	Lý Thị Hỷ	2	25/7/1952	Xóm Kỳ Linh
68	Nguyễn Văn Hợi	1	1983	Xóm Kỳ Linh
69	Nguyễn Văn An	1	24/11/1989	Xóm Kỳ Linh
70	Bùi Thị Nhung	2	03/03/1970	Xóm La Giai
71	Nguyễn Đức Nam	1	12/11/1990	Xóm La Giai
72	Dương Thị Dung	2	23/10/1968	Xóm La Hồng
73	Nguyễn Thị Huy	2	21/03/1983	Xóm La Hồng

TT hộ	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1:Nam, 2:Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ(xóm)
74	Dương Thị Sơn	2	26/08/1971	Xóm La Hồng
75	Bùi Văn Đức	1	24/04/1989	Xóm La Hồng
76	Nguyễn Văn Trường	1	02/11/1988	Xóm La Hồng
77	Dương Văn Được	1	19/12/1974	Xóm La Yên
78	Phạm Văn Tinh	1	10/08/1977	Xóm Làng Lớn
79	Đào Thị Quang	2	07/02/1956	Xóm Làng Lớn
80	Đào Thị Xen	2	03/04/1985	Xóm Làng Lớn
81	Dương Văn Vĩnh	1	26/01/1986	Xóm Trung Tâm
82	Nguyễn Thị Toán	2	23/11/1962	Xóm Trung Tâm
83	Chu Văn Ngoan	1	02/03/1965	Xóm Trung Tâm
84	Nguyễn Thị Thuý	2	26/03/1969	Xóm Trung Tâm
85	Đình Thị Quỳnh Như	2	20/05/1983	Xóm Trung Tâm
86	Lý Tiến Lưu	1	4/5/1970	Xóm Tân Yên
87	Triệu Văn Thanh	1	11/21/1974	Xóm Tân Yên
88	Đào Thị Ngọc Hạnh	2	2/15/1968	Xóm Bãi Pháo
89	Trần Thị Miều	2	5/20/1954	Xóm Bãi Pháo
90	Nguyễn Thị Sơn	2	9/2/1953	Xóm Bãi Pháo
91	Nguyễn Thị Dinh	2	04/01/1981	Xóm Bãi Pháo
92	Phạm Văn Chung	1	8/20/1974	Xóm Bãi Pháo
93	Trần Thị Đức	2	12/22/1960	Xóm Cuốn Cờ
94	Trần Thị Phương	2	5/14/1943	Xóm Cuốn Cờ
95	Hứa Văn Hà	1	11/25/1988	Xóm Cuốn Cờ
96	Nguyễn Văn Ninh	1	9/14/1966	Xóm Cuốn Cờ
97	Phạm Thị Thủy	2	04/12/1971	Xóm Cuốn Cờ
98	Nguyễn Thị Hồng	2	10/25/1955	Xóm Đồng Cà
99	Nguyễn Văn Định	1	7/13/1981	Xóm Đồng Cà
100	Nguyễn Thị Tụ	2	3/27/1967	Xóm Đồng Mè
101	Hoàng Văn Chiến	1	6/7/1956	Xóm Đồng Mè
102	Lê Kim Phương	1	02/06/1978	Xóm Đức Long
103	Ngô Thị Lĩnh	2	1/21/1963	Xóm Đức Long
104	Lê Văn Hoạch	1	7/28/1982	Xóm Đức Long
105	Lê Thị Huy	2	10/18/1979	Xóm Đức Long
106	Dương Thị Quyên	2	5/4/1981	Xóm Gò Lá
107	Đỗ Thị Điện	2	12/8/1955	Xóm Gò Lá
108	Dương Văn Vĩnh	1	9/19/1989	Xóm Gò Lá
109	Ma Văn Tập	1	9/16/1983	Xóm Gò Thang
110	Lê Ánh Đào	1	1/15/1980	Xóm Gốc Quéo
111	Lê Văn Quỳnh	1	3/17/1977	Xóm Gốc Quéo

TT hộ	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1:Nam, 2:Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ(xóm)
112	Nguyễn Quang Nghi	1	1/1/1960	Xóm Hòa Bình
113	Trần Thị Tân	2	1960	Xóm Hòa Bình
114	Vũ Thị Quê	2	10/15/1967	Xóm Hòa Bình
115	Phùng Thị Thao	2	5/10/1956	Xóm La Phác
116	Lục Thị Toàn	2	3/29/1977	Xóm La Phác
117	Đào Thị Bình	2	4/22/1950	Xóm Phú Nghĩa
118	Nguyễn Văn Đào	1	9/10/1950	Xóm Phú Nghĩa
119	Nguyễn Thị Ty	2	10/6/1965	Xóm Sơn Mè
120	Lục Thị Lập	2	29/12/1949	Xóm Bấu Châu
121	Nguyễn Thị Từ	2	03/03/1949	Xóm Bấu Châu
122	Đồng Văn Thuộc	1	04/4/1989	Xóm Bấu Châu
123	Tô Vĩnh Sơn	1	09/01/1960	Xóm Bấu Châu
124	Lê Thị Sơn	2	01/09/1964	Xóm Bấu Châu
125	Dương Quang Hiệu	1	01/04/1974	Xóm Bấu Châu
126	Lương Văn Lâm	1	22/11/1986	Xóm Bấu Châu
127	Lục Văn Mừng	1	01/01/1941	Xóm Bấu Châu
128	Dương Thị Loan	2	20/05/1955	Xóm Bấu Châu
129	Đặng Thị Dung	2	02/06/1979	Xóm Đầm Giáo
130	Nguyễn Thị Ngân	2	8/4/1958	Xóm Đầm Giáo
131	Trần Mạnh Quân	1	10/10/1976	Xóm Đầm Giáo
132	Đỗ Thị Tuất	2	16/06/1960	Xóm Đồng Mưa
133	Trần Thượng Đồng	1	02/04/1974	Xóm Đồng Mưa
134	Nguyễn Thị Hà	2	10/12/1956	Xóm Đồng Mưa
135	Đào Thị Hải	2	03/02/1953	Xóm Đồng Mưa
136	Dương Thị Móng	2	08/04/1947	Xóm Đồng Mưa
137	Đỗ Thị Hoa	2	10/02/1984	Xóm Đồng Mưa
138	Nguyễn Cao Thắng	1	17/03/2006	Xóm Gò Lớn
139	Dương Công Mười	1	05/10/1964	Xóm Gò Lớn
140	Dương Thị Sách	2	01/02/1960	Xóm Thành Lập
141	Trần Thị Tâm	2	09/05/1955	Xóm Thành Lập
142	Nguyễn Thị Ngừ	2	24/12/1944	Xóm Thành Lập
143	Trần Văn Bình	1	08/08/1975	Xóm Văn Thanh
144	Nguyễn Văn Dinh	1	04/05/1958	Xóm Văn Thanh
145	Vũ Thị Phái	2	15/09/1953	Xóm Văn Thanh
146	Nguyễn Thị Làm	2	14/6/1949	Xóm Văn Thanh

DANH SÁCH HỘ NGHÈO SAU RÀ SOÁT

(Kèm theo Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 19/12/2025)

TT	Họ tên chủ hộ	Giới tính (1:Nam, 2:Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ (Xóm)
1	Trần Thị Vẹn	2	3/15/1954	Bình Khang
2	Hầu Thị Hạnh	2	7/8/1945	Bình Khang
3	Quách Văn Sang	1	2/6/1973	Bình Sơn
4	Nguyễn Phi Thuộc	1	5/12/1905	Bình Xuân
5	Vũ Hồng Sinh	1	12/12/1959	Bình Xuân
6	Nguyễn Văn Lục	1	10/16/1958	Chùa 8
7	Nguyễn Thị Thịnh	2	7/2/1959	Chùa 9
8	Dương Văn Miền	1	01/07/1954	Đầm Mụ
9	Nguyễn Văn Thuận	1	1/1/1955	Đầm Mụ
10	Nguyễn Văn Cường	1	11/4/1987	Đình 6
11	Nguyễn Thị Phương	2	2/8/1968	Đình 7
12	Trần Thế Hường	1	5/23/1983	Tiến Thành
13	Nguyễn Thị My	2	8/8/1949	Tiến Thành
14	Đặng Văn Võ	1	2/16/1938	Tiến Thành
15	Hoàng Thị Châu	2	1/1/1935	Thanh Phong 13
16	Nguyễn Thị Hoàn	2	4/1/1976	Thanh Phong 14
17	Trần Văn Sáng	1	10/10/1982	Thuận Phong
18	Hoàng Thị Thâu	2	10/20/1956	Thuận Phong
19	Trần Thị Tình	2	11/24/1989	Thuận Phong
20	Hoàng Thị Thêm	2	9/10/1952	Thuận Phong
21	Nguyễn Thị Trà	2	1/12/1935	Trại 4
22	Nguyễn Thị Nhi	2	8/5/1939	Trại 4
23	Trần Văn Khôi	1	8/28/1977	Trại 4
24	Nguyễn Thị Tuyết	2	7/17/1987	Trại 5
25	Vũ Văn Tùng	1	18/7/1993	Trại 5
26	Vũ Thị Oanh	2	10/22/1963	Văn Khúc
27	Lê Thị Đông	2	9/9/1964	Văn Khúc
28	Lê Văn Dân	1	7/5/1974	Văn Khúc
29	Vũ Xuân Hồng	1	2/2/1967	Văn Khúc
30	Đào Thị Hoàn	2	2/8/1963	Văn Khúc
31	Nguyễn Văn Lịch	1	08/10/1978	Cao Chùa
32	Hà Văn Cần	1	06/05/1981	Cao Chùa

TT	Họ tên chủ hộ	Giới tính (1:Nam, 2:Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ (Xóm)
33	Nguyễn Thị Thi	1	15/09/1972	Đầm Pháng
34	Hoàng Văn Thái	2	8/5/1958	Đầm Pháng
35	Dương Thị Mỹ	2	02/05/1955	Đồng Cháy
36	Nguyễn Thế Ước	1	01/01/1978	Đồng Cháy
37	Hà Đức Luyện	1	03/03/1982	Đồng Khâm
38	Hà Văn Long	1	04/07/1988	Đồng Khâm
39	Dương Thị Vượng	2	19/05/1966	Đồng La
40	Đào Văn Nhất	1	01/11/1983	Đồng La
41	Vũ Văn Trường	1	12/07/1956	Đồng Phiêng
42	Lê Văn Đăng	1	16/06/1979	Hà Thuận
43	Bùi Đình Thuyên	1	05/05/1979	Hà Thuận
44	Phạm Thị Bích	2	28/12/1951	Hà Việt
45	Lê Văn Nhâm	1	26/06/1982	Kỳ Linh
46	Lê Đăng Hiệp	1	30/10/1984	Kỳ Linh
47	Bé Thị Bích Hảo	2	28/01/1992	La Giai
48	Phạm Thị Loan	2	01/05/1971	La Giai
49	Nguyễn Thị Hải	2	01/06/1960	La Hồng
50	Nguyễn Văn Vịnh	1	15/03/1944	La Hồng
51	Nguyễn Văn Bảo	1	05/06/1963	La Yên
52	Dương Thị Ước	2	07/02/1992	Làng Lớn
53	Phạm Tiến Dũng	1	27/07/1956	Trung Tâm
54	Lý Thị Chung	2	02/01/1988	Tân Yên
55	Triệu Thị Hạnh	2	26/04/1955	Tân Yên
56	Nguyễn Trọng Đông	1	8/11/1972	Bãi Pháo
57	Đình Văn Thức	1	12/8/1969	Bãi Pháo
58	Phương Thị Sang	2	5/25/1956	Cuốn Cờ
59	Phạm Văn Hòa	1	1/16/1983	Cuốn Cờ
60	Lê Văn Ngọc	1	1/13/1970	Đồng Cà
61	Dương Văn Thìn	1	8/24/1988	Đồng Mè
62	Dương Minh Lạc	1	10/10/1945	Đồng Mè
63	Vũ Tiến Lịch	1	10/20/1949	Đồng Mè
64	Triệu Thị Lưu	2	8/20/1936	Gò Lá
65	Hoàng Thị Thu	2	5/1/1971	Gò Lá
66	Hoàng Văn Giảng	1	7/8/1995	Gò Lá
67	Nguyễn Thị Bích	2	10/8/1955	Gò Thang

TT	Họ tên chủ hộ	Giới tính (1:Nam, 2:Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ (Xóm)
68	Chu Thị Liễu	2	5/5/1950	Gốc Quéo
69	Lê Thị Thái	2	7/20/1959	Hòa Bình
70	Lê Thị Học	2	10/13/1967	Hòa Bình
71	Nông Văn Quảng	1	6/20/1962	La Phác
72	Đoàn Thị Hồng	2	9/5/1966	La Phác
73	Nguyễn Thị Quyển	2	10/23/1977	Phú Nghĩa
74	Dương Đình Tô	1	10/4/1957	Phú Nghĩa
75	Nguyễn Thị Thi	2	9/27/1959	Phú Nghĩa
76	Hoàng Thị Lĩnh	2	3/21/1968	Sơn Mè
77	Vũ Duy Hiền	1	8/15/1957	Sơn Mè
78	Trương Thị Lư	2	9/24/1956	Sơn Mè
79	Nguyễn Thị Hòa	2	21/01/1973	Bình Hương
80	Nguyễn Thị Khôi	2	01/01/1942	Bình Hương
81	Phạm Thị Nhuận	2	20/05/1947	Bình Hương
82	Dương Văn Đại	1	03/02/1931	Bình Hương
83	Phạm Thị Sinh	2	15/06/1961	Đầm Giáo
84	Nguyễn Thị Sứ	2	10/03/1947	Đầm Giáo
85	Dương Hoàng Anh	1	26/03/1999	Đồng Mưa
86	Trịnh Thị Cúc	2	10/07/1934	Gò Lớn
87	Hoàng Văn Dục	1	05/10/1934	Gò Lớn
88	Tô Thị Lịch	2	13/10/1940	Gò Lớn
89	Trần Thị Dự	2	08/11/1973	Thành Lập
90	Đỗ Thị Thanh	2	08/04/1969	Thành Lập
91	Quyền Đình Nam	1	17/07/1967	Thành Lập
92	Vũ Thị Mỹ	2	25/04/1948	Văn Thanh
93	Ngô Thị Nhạn	2	27/10/1952	Văn Thanh
94	Trần Thị Tính	2	12/10/1947	Văn Thanh
95	Nguyễn Thị Thúy	2	28/02/1967	Văn Thanh

DANH SÁCH HỘ THOÁT NGHÈO SAU RÀ SOÁT

(Kèm theo Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 19/12/2025)

TT	Họ tên chủ hộ	Giới tính (1:Nam, 2:Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ (Xóm)
1	Nguyễn Thị Sửu	2	11/10/1973	Bình Khang
2	Nguyễn Thị Tuyết	2	10/20/1947	Bình Sơn
3	Nguyễn Tiên Dũng	1	10/3/1993	Bình Xuân
4	Dương Thị Thom	2	8/20/1961	Bình Xuân
5	Nguyễn Thị Mật	2	4/3/1947	Chùa 8
6	Vũ Văn Bằng	1	8/16/1960	Chùa 9
7	Đàm Thị Ngọc	2	11/20/1961	Đàm Mụ
8	Trịnh Thị Hiền	2	9/25/1990	Đàm Mụ
9	Đoàn Thị Sen	2	1/1/1955	Đình 6
10	Quách Xuân Giới	1	2/8/1962	Đình 7
11	Nguyễn Văn Thanh	1	1/1/1950	Tiến Thành
12	Đặng Văn Ngọc	1	9/23/1988	Tiến Thành
13	Lê Thị Thủy	2	12/20/1982	Tiến Thành
14	Đoàn Thị Bình	2	10/10/1968	Tiến Thành
15	Bùi Thị Nga	2	4/1/1976	Thanh Phong 14
16	Lê Thị Yến	2	6/26/1979	Thanh Phong 15
17	Nguyễn Văn Hữu	1	8/20/1957	Trại 4
18	Nguyễn Thị Vệ	2	7/25/1949	Trại 5
19	Phạm Thị Nhã	2	5/28/1951	Trại 6
20	Ngô Thị Kim Oanh	2	6/23/1998	Văn Khúc
21	Nguyễn Việt An	1	3/14/1978	Văn Khúc
22	Phan Thị Thúy	2	10/21/1988	Văn Khúc
23	Hà Thị Loan	2	10/28/1967	Cao Chùa
24	Hoàng Văn Thái	1	8/5/1958	Đàm Pháng
25	Nguyễn Thị Lý	2	1/18/1984	Đàm Pháng
26	Nguyễn Văn Thạo	1	1/4/1961	Đồng Cháy
27	Hoàng Văn Thêm	1	10/18/1962	Đồng Khâm
28	Nguyễn Văn Trường	1	9/26/1973	Đồng La
29	Ngô Văn Nghiêm	1	15/01/1973	Đồng La
30	Đào Ngọc Thủy	2	2/3/1972	Đồng Phiêng
31	Bùi Đình Hải	1	3/3/1969	Hà Thuận
32	Lý Thị Hỷ	2	7/25/1952	Kỳ Linh
33	Bùi Thị Nhung	2	3/3/1970	La Giai
34	Bùi Văn Đức	1	4/24/1989	La Hồng

TT	Họ tên chủ hộ	Giới tính (1:Nam, 2:Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ (Xóm)
35	Nguyễn Văn Trường	1	02/11/1988	La Hồng
36	Trịnh Văn Tuấn	1	6/6/1967	La Yên
37	Đào Thị Xen	2	4/3/1985	Làng Lớn
38	Triệu Thị Thu	2	9/13/1983	Tân Yên
39	Dương Văn Vĩnh	1	1/26/1986	Trung Tâm
40	Nguyễn Thị Sơn	2	9/2/1953	Bãi Pháo
41	Nguyễn Thị Dinh	2	04/01/1981	Bãi Pháo
42	Phạm Thị Thuý	2	12/4/1971	Cuốn Cờ
43	Hứa Văn Hà	1	11/25/1988	Cuốn Cờ
44	Nguyễn Thị Thắng	2		Đồng Cà
45	Trịnh Thị Hiền	2	9/19/1958	Đồng Mè
46	Nguyễn Thị Hơ	2	10/10/1968	Đồng Mè
47	Đỗ Thị Điền	2	12/8/1955	Gò Lá
48	Dương Văn Vĩnh	1	9/19/1989	Gò Lá
49	Ma Văn Tập	1	10/8/1955	Gò Thang
50	Nguyễn Thị Mười	2	12/25/1978	Gốc Quéo
51	Nguyễn Thị Tân	2	10/10/1951	Hòa Bình
52	Nguyễn Văn Thu	1	9/9/1976	La Phác
53	Phạm Thị Thư	2	2/15/1952	La Phác
54	Trần Văn Ca	1	9/23/1965	La Phác
55	Phùng Thị Thao	2	5/10/1956	La Phác
56	Đào Thị Bình	2	4/22/1950	Phú Nghĩa
57	Đỗ Thị Thuyết	2	12/22/1939	Phú Nghĩa
58	Đào Thị Ý	2	12/22/1959	Sơn Mè
59	Nguyễn Sơn Hà	1	5/19/1987	Sơn Mè
60	Nguyễn Thị Liên	2	20/08/1946	Bình Hương
61	Đinh Thị Hải	2	01/01/1954	Bình Hương
62	Nguyễn Văn Thìn	1	01/12/1960	Đầm Giáo
63	Đỗ Thị Tuất	2	16/06/1960	Đồng Mưa
64	Dương Công Mười	1	05/10/1964	Gò Lớn
65	Nguyễn Cao Thắng	1	30/12/1949	Gò Lớn
66	Trần Thị Tâm	2	09/05/1955	Thành Lập
67	Nguyễn Thị Ngừ	2	24/12/1944	Thành Lập
68	Vũ Thị Phái	2	15/09/1953	Văn Thanh
69	Nguyễn Thị Lâm	2	14/06/1949	Văn Thanh

DANH SÁCH HỘ THOÁT CẶN NGHÈO SAU RÀ SOÁT

(Kèm theo Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 19/12/2025)

TT hộ	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1:Nam, 2:Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ (Xóm)
1	Phạm Thị Kỳ	2	5/16/1947	Xóm Bình Khang
2	Đào Văn Chức	1	3/10/1955	Xóm Bình Khang
3	Nguyễn Thị Trang	2	4/22/1985	Xóm Bình Khang
4	Nguyễn Thị Tứ	2	4/15/1963	Xóm Bình Sơn
5	Nguyễn Thị Hương	2	6/22/1968	Xóm Bình Sơn
6	Nguyễn Thị Chính	2	5/1/1947	Xóm Bình Xuân
7	Hoàng Quốc Đước	1	9/19/1955	Xóm Bình Xuân
8	Hoàng Thị Thúc	2	3/1/1946	Xóm Chùa 8
9	Bùi Văn Khánh	1	6/12/1987	Xóm Đầm Mụ
10	Nguyễn Quang Huy	1	6/25/1988	Xóm Đầm Mụ
11	Nguyễn Thị Lợi	2	4/18/1958	Xóm Đầm Mụ
12	Hoàng Văn Quỳnh	1	2/2/1982	Xóm Đầm Mụ
13	Đàm Văn Lang	1	12/30/1937	Xóm Đầm Mụ
14	Nguyễn Thị Nguyệt	2	6/14/1952	Xóm Đình 6
15	Đoàn Thị Kim Hoa	2	1/1/1948	Xóm Đình 6
16	Đoàn Đức Xuân	1	12/19/1973	Xóm Đình 6
17	Trần Minh Đạt	1	7/22/1936	Xóm Đình 6
18	Dương Thế Mạnh	1	10/2/1980	Xóm Đình 6
19	Nguyễn Đức Văn	1	9/28/1981	Xóm Đình 7
20	Lê Thị Thúy	2	1/24/1932	Xóm Tiến Thành
21	Nguyễn Văn Quảng	1	3/10/1990	Xóm Tiến Thành
22	Đặng Thị Hợp	2	2/20/1953	Xóm Tiến Thành
23	Nguyễn Văn Biên	1	4/28/1989	Xóm Tiến Thành
24	Nguyễn Thị Liên	2	10/7/1964	Xóm Thanh Phong 13
25	Ngô Thị Hợp	2	10/12/1956	Xóm Thanh Phong 14
26	Nguyễn Thị Toàn	2	5/30/1949	Xóm Thanh Phong 14
27	Hoàng Văn Sửu	1	12/30/1972	Xóm Thuận Phong
28	Trần Văn Lượng	1	11/2/1968	Xóm Thuận Phong
29	Trần Thị Ly	2	2/1/1953	Xóm Trại 4
30	Đặng Thị Luyện	2	6/16/1946	Xóm Trại 4
31	Nguyễn Đình Thu	1	4/9/1959	Xóm Trại 5
32	Nguyễn Việt Hùng	1	7/14/1974	Xóm Văn Khúc

TT hộ	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1:Nam, 2:Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ (Xóm)
33	Trần Thị Hưng	2	6/1/1949	Xóm Văn Khúc
34	Nguyễn Thùy Dung	2	15/9/1999	Xóm Văn Khúc
35	La Thị Hằng	2	9/12/1979	Xóm Cao Chùa
36	Dương Thị Vi	2	4/1/1961	Xóm Đồng Cháy
37	Hoàng Thị Thiện	2	1/15/1968	Xóm Đồng Khâm
38	Nguyễn Thị Luận	2	3/13/1965	Xóm Đồng Khâm
39	Đào Văn Nam	1	3/10/1975	Xóm Đồng La
40	Đỗ Thị Thu	2	1/11/1991	Xóm Đồng La
41	Phạm Thị Quê	2	12/1/1943	Xóm Đồng Phiêng
42	Nguyễn Văn Cồ	1	8/19/1943	Xóm Hà Thuận
43	Nguyễn Thị Lân	2	7/28/1959	Xóm Kỳ Linh
44	Nguyễn Thị Mận	2	12/5/1967	Xóm Kỳ Linh
45	Nguyễn Thị Vinh	2	6/28/1962	Xóm Kỳ Linh
46	Trương Thị Tâm	2	4/12/1982	Xóm La Giai
47	Nguyễn Thị Thu Hằng	2	18/01/1981	Xóm La Giai
48	Dương Thị Quyền	2	10/10/1951	Xóm La Hồng
49	Hoàng Thị Việt	2	9/21/1982	Xóm La Hồng
50	Nguyễn Văn Nam	1	4/10/1972	Xóm La Hồng
51	Lưu Thị Hải	2	5/14/1974	Xóm La Yên
52	Dương Tiến Dũng	1	9/2/1984	Xóm Làng Lớn
53	Đào Xuân Trường	1	8/2/1985	Xóm Làng Lớn
54	Dương Quý Tùng	1		Xóm Trung Tâm
55	Dương Thị Hiền	2		Xóm Trung Tâm
56	Hoàng Thị Đại	2	6/22/1975	Xóm Bãi Pháo
57	Nguyễn Thị Quý	2	4/4/1957	Xóm Bãi Pháo
58	Phương Thị Bầy	2	11/24/1969	Xóm Cuốn Cờ
59	Triệu Thị Lua	2	11/27/1963	Xóm Cuốn Cờ
60	Nguyễn Thị Xuân	2	1/11/1982	Xóm Đồng Cà
61	Ngô Kim Mười	1	1/21/1972	Xóm Đức Long
62	Vũ Thị Hoan	2	9/9/1980	Xóm Đức Long
63	Đỗ Văn Mịch	1	9/30/1949	Xóm Gò Lá
64	Cao Văn Hiệp(Hoàng Thị Hiếu)	2	12/10/1987	Xóm Gò Lá
65	Hoàng Văn Anh	1	5/6/1977	Xóm Gò Lá
66	Mai Văn Tiến	1	5/10/1978	Xóm Gò Lá
67	Hoàng Văn Đại	1	10/11/1991	Xóm Gò Lá

TT hộ	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1:Nam, 2:Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ (Xóm)
68	Trịnh Thị Ngoan	2	9/16/1983	Xóm Gò Thang
69	Trần Thị Thắm	2	2/20/1986	Xóm Hòa Bình
70	Trương Thị Tuấn	2	8/14/1962	Xóm Hòa Bình
71	Nông Văn Quảng	1	6/20/1962	Xóm La Phác
72	Đoàn Thị Hồng	2	9/5/1966	Xóm La Phác
73	Phạm Kiều Oanh	2	05/10/1956	Xóm La Phác
74	Vũ Thị Liệu	2	8/26/1961	Xóm Phú Nghĩa
75	Phạm Minh Đức	1	7/2/1963	Xóm Sơn Mè
76	Nguyễn Thị Hạnh	2	9/10/1960	Xóm Sơn Mè
77	Nguyễn Đình Đạo	1	25/05/1960	Xóm Bấu Châu
78	Nguyễn Văn Sinh	1	11/07/1948	Xóm Bấu Châu
79	Lương Thị Hoàn	2	17/05/1957	Xóm Bấu Châu
80	Nguyễn Thị Xuyên	2	08/10/1955	Xóm Đầm Giáo
81	Mai Thị Dung	2	20/11/1955	Xóm Đồng Mưa
82	Đình Quốc Tùng	1	04/05/1984	Xóm Gò Lớn
83	Trần Đình Tâm	1	03/02/1950	Xóm Gò Lớn
84	Trần Thị Phương	2	3/1/1962	Xóm Thành Lập
85	Cao Thị Nam	2	5/21/1953	Xóm Thành Lập
86	Đỗ Thị Hạnh	2	9/1/1978	Xóm Thành Lập
87	Nguyễn Xuân Vẽ	1	5/11/1952	Xóm Văn Thanh
88	Vũ Đình Thi	2	1/22/1982	Xóm Văn Thanh